

TRƯỜNG CHINH - NHÀ HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA, NGƯỜI THIẾT KẾ ĐƯỜNG LỐI VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT CỦA ĐẢNG

PHONG LÊ^(*)

*Không chỉ là nhà chính trị có tầm trên nhiều mặt hoạt động chính trị-xã hội, lãnh tụ Trường Chinh còn có những hoạt động phong phú trên các lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật; Về phương diện này, ông là một nhà thơ nổi tiếng trong trào lưu văn học cách mạng trước 1945, người thiết kế và chỉ đạo các hoạt động văn hóa-nghệ thuật. Từ **Đề cương về văn hóa Việt Nam** của Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1943 mà ông có trách nhiệm khởi thảo, qua các Đại hội của các giới văn hóa, văn học, nghệ thuật mà ông có trách nhiệm đại diện cho Đảng phát biểu, các bài viết, bài nói của Trường Chinh từ sau 1945 đều hướng tới mục tiêu thiết kế một Đường lối văn học-nghệ thuật của Đảng, nhằm hướng dẫn, chỉ đạo đời sống văn học- nghệ thuật Việt Nam đi vào quỹ đạo phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng. Một **Đường lối văn học-nghệ thuật** như thế đã được xác định trong bài phát biểu tại Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ Ba - 1968, gồm 8 mục - được hiểu là "8 quan điểm cơ bản", trong đó có những mục đến bây giờ vẫn còn nguyên giá trị.*

Đúng vào dịp Xuân Đinh Hợi 2007 này, Trường Chinh, nhà hoạt động chính trị lớn của Đảng, một trong số ít học trò gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chẵn 100 năm sinh. Có thể nói hoạt động nhiều mặt của Trường Chinh gắn bó khăng khít với lịch sử cách mạng Việt Nam, trong đó nổi lên yêu cầu số một là giải phóng đất nước ra khỏi ách ngoại xâm. Công

cuộc giải phóng đất nước theo con đường của chủ nghĩa Marx-Lenin kéo dài suốt hơn nửa thế kỷ, kể từ ngày ra đời Đảng Cộng sản Đông Dương và những chuẩn bị khẩn trương cho Cách mạng tháng Tám đến kết thúc hai cuộc kháng chiến vĩ đại. Ở vị trí là

(*) GS, Viện Văn học, Viện KHXH Việt Nam.

Tổng bí thư của Đảng từ năm 1941 cho đến trước Đại hội lần thứ III của Đảng năm 1960, và ở các cương vị cao nhất của chính quyền Nhà nước cho đến ngày qua đời, đồng chí Trường Chinh đã có những đóng góp to lớn cho Đảng và dân tộc ở tư cách nhà hoạt động chính trị.

Nhưng là một nhà chính trị có tầm bao quát nhiều mặt hoạt động xã hội, Trường Chinh còn có những hoạt động phong phú trên các lĩnh vực văn hóa, văn học-nghệ thuật; không kể đồng thời ông còn là một nhà thơ trong trào lưu văn học cách mạng trước 1945, với tập *Thơ Sóng Hồng*, ấn hành năm 1967. Có thể nói ở phần giữa thế kỷ XX này, Trường Chinh vừa là nhà lý luận, lại vừa là nhà thiết kế một đường lối văn hóa, văn nghệ cách mạng tương ứng và phục vụ cho công cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân từ sau Cách mạng tháng Tám; cho đường lối tiến lên chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc từ sau 1954, và trên phạm vi cả nước từ sau 1975, cho đến cuối năm 1986, năm tiến hành Đại hội lần thứ VI của Đảng. Đường lối đó, nằm trong Đường lối cách mạng Việt Nam nói chung, có khởi đầu từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 mà Trường Chinh là người có trách nhiệm khởi thảo cho đến bài phát biểu tại Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ IV, tháng 12-1968: *Văn nghệ phải góp phần giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội, tiến tới thống nhất nước nhà*, trong đó ông tổng kết và nêu lên 8 mục, được xem là “8 quan điểm cơ bản” - “những quan điểm làm cơ sở cho đường lối văn nghệ của Đảng ta” chiếm trọn toàn bộ phần I của bài phát biểu, có tên: *Về đường lối văn học, nghệ thuật của Đảng ta*.

8 mục, được hiểu là “8 quan điểm cơ bản” đó là:

“1. Văn nghệ là vũ khí sắc bén của giai cấp công nhân, của Đảng trong cuộc đấu tranh để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng do Đảng đề ra.

2. Văn nghệ ta phải thực sự là nền văn nghệ của nhân dân.

3. Văn nghệ ta phải có tính dân tộc. Văn nghệ ta phải là văn nghệ của nhiều dân tộc ở nước ta.

4. Văn nghệ phản ánh hiện thực khách quan một cách cao đẹp, góp phần cải tạo hiện thực đó theo một lý tưởng nhất định.

5. Mục đích của văn nghệ ta là giáo dục con người mới.

6. Tiếp thu có phê phán những tinh hoa của văn nghệ dân tộc và những thành tựu tốt đẹp của văn nghệ thế giới xưa và nay.

7. Nắm vững phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa để sáng tác và phê bình.

8. Với chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, chúng ta xây dựng một nền văn hóa, văn nghệ cao đẹp nhất của loài người”.

Vậy là ở đây, qua 8 mục, bản báo cáo đã bao quát gần như đầy đủ những phạm vi cần quan tâm của lý luận văn nghệ (macxít-lêninnit): chức năng và vai trò, đặc trưng và tính chất, mục đích và nhiệm vụ, phương pháp sáng tác và mục tiêu xa của văn nghệ cách mạng.

(Nhìn vào 8 mục này, được nêu ở thời điểm 1968, trên sự phát triển của văn học- nghệ thuật hôm nay, sau khoảng lùi ngót 40 năm, ta dễ thấy có mục vẫn còn nguyên giá trị, bên cạnh những mục do chỉ thích hợp với hoàn

cảnh cách mạng một thời nên không thể vận dụng trong hoàn cảnh mới; lại có mục đi quá xa, hoặc không phù hợp với mục tiêu đích thực của văn chương-nghệ thuật).

Điều cần lưu ý là trong một thời gian khá dài, “8 quan điểm cơ bản” này được xem như là những chỉ dẫn bao quát và sát sao cho đời sống văn hóa- văn nghệ nói chung và cho hoạt động lý luận-phê bình-giảng dạy văn học nghệ thuật nói riêng... Bởi, đó chính là sự cụ thể hóa và hệ thống hóa những quan điểm cơ bản về văn hóa-văn nghệ của Đảng, đòi hỏi mọi người phải học tập, vận dụng và “quán triệt”. Cũng là sự phát triển tư tưởng văn nghệ của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong suốt một thời gian dài, khi dân tộc còn đứng trước nhiệm vụ số 1 là giải phóng dân tộc, kể từ:

Nay ở trong thơ nên có thép

Nhà thơ cũng phải biết xung phong

(*Nhật ký trong tù* - 1943)

đến: “Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em (văn nghệ sĩ) là chiến sĩ trên mặt trận ấy” trong Thư gửi các họa sĩ nhân Triển lãm hội họa - 1951; và: “Dân tộc bị áp bức thì văn nghệ cũng mất tự do. Văn nghệ muốn được tự do thì phải tham gia cách mạng” trong Bài nói chuyện tại Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ Ba - 1963...

Tính từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đến bài phát biểu năm 1968 này thì lịch sử hình thành, phát triển và hoàn thiện về phương diện lý luận của nền văn nghệ mới - văn nghệ cách mạng theo đường lối xã hội chủ nghĩa ở Trường Chinh có lịch sử gần 25 năm. Nói gần 25 năm vì sau thời điểm 1968, cho đến khi qua đời, năm 1988, những bài nói và viết của Trường Chinh không còn mang tính chất tổng kết và vạch đường lối cho văn nghệ mới nói chung, mà chỉ là những ý kiến trên nhiều lĩnh vực cụ thể của văn nghệ như

nhiếp ảnh, điện ảnh, âm nhạc, báo chí, ngâm thơ,... Dường như, theo quan điểm của Trường Chinh và cũng là theo tiếp nhận của người đọc, một tổng kết gồm 8 mục như trong bài phát biểu năm 1968 là đã đủ và không cần nói gì thêm. Một tổng kết như là một sự hoàn thiện cả một quá trình nhận thức, theo đuổi về các vấn đề văn hóa, văn nghệ cách mạng theo quan điểm của Đảng, ở một người, trong nhiều chục năm cùng với Tố Hữu, có trách nhiệm thay mặt Đảng trực tiếp lãnh đạo và chỉ đạo văn học-nghệ thuật. Cần ghi vào lịch sử lý luận văn nghệ cách mạng Việt Nam những bài nói, bài viết của Trường Chinh xuất hiện khá liên tục trong thời gian ngắn 30 năm ấy, sau này được Nhà xuất bản Văn học tập hợp và in đầy đủ trong 2 tập *Về văn hóa và nghệ thuật* vào các năm 1985 và 1986; và đã được tái bản vào đầu năm 2007 này.

Đó là các bài: *Mấy nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam lúc này* (1945) nhằm phát triển và cụ thể hóa *Đề cương về văn hóa Việt Nam* (1943); *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam* trong Đại hội văn hóa toàn quốc lần thứ II (1948); *Phấn đấu cho một nền văn học- nghệ thuật phong phú dưới ngọn cờ của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội* trong Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ II (1957); *Tăng cường tính Đảng, đi sâu vào cuộc sống để phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng tốt hơn nữa* trong Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ III (1963); và bài phát biểu trong Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ IV - năm 1968, như đã trình bày ở trên.

Tất cả những bài viết, bài nói trong các dịp quan trọng, và có giá trị *văn kiện* như trên, cùng với Thư của Ban chấp hành Trung ương Đảng gửi các Đại hội văn nghệ, qua các nhiệm kỳ, đều được các giới văn hóa, văn học, nghệ thuật học tập, nghiên cứu, thảo luận để thấm nhuần và thực thi trong hoạt động nghề nghiệp của mình, trong suốt một

thời gian dài. Đó cũng là căn cứ, là tiêu chí để xem xét và đánh giá những thành tựu và những non yếu, hạn chế của văn học- nghệ thuật qua từng chặng phát triển của nó cho đến trước Đại hội VI của Đảng...

Chọn mốc 1968 để chúng ta thấy sự tổng kết trên 8 mục như một cấu thành hoàn chỉnh đường lối văn nghệ của Đảng mà Trường Chinh có trách nhiệm khởi thảo và phát biểu. Thời điểm 1968 với sự kiện Tết Mậu Thân, là thời điểm quyết liệt trong sự nghiệp đấu tranh ở miền Nam; phải 7 năm sau mới có Đại thắng mùa Xuân - 1975. Thời điểm 1968, tính theo sự phát triển đất nước, còn phải chờ ngót hai chục năm sau mới đến được bước ngoặt là công cuộc Đổi mới. Có nghĩa là cuộc sống còn đang diễn biến trong cả một thời gian dài với biết bao thử nghiệm và thử thách đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng nói chung, trong đó có sự nghiệp văn hóa, văn nghệ. Có thể nghĩ, người có đóng góp tích cực cho thành công của Đại hội VI - 1986 trên khẩu hiệu lớn: "*Lấy dân làm gốc*" ở tư cách Tổng bí thư, hẳn chắc cũng sẽ sáng suốt trong việc nhận ra những mặt còn hẹp hòi, còn hạn chế trong các vấn đề lý luận được xem là cốt lõi, là nền tảng cho sự nghiệp xây dựng một nền văn nghệ mới - văn nghệ cách mạng. Sự hẹp hòi và hạn chế đó có mặt do các nguyên nhân lịch sử khách quan quả là khó tránh, đến từ các hoàn cảnh hẹp và rộng, riêng và chung, của đất nước và của toàn hệ thống xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam là một bộ phận. Có mặt do chính những hạn chế chủ quan của chúng ta - có lúc, có nơi còn thiếu một cái nhìn rộng rãi, cởi mở trên các đặc thù riêng của văn chương, nghệ thuật; có lúc, có nơi còn phạm những thiếu sót trong việc thực thi các chủ trương, chính sách trong thực tiễn. Có

thể nói những mặt hẹp hòi và hạn chế đó, ở hoàn cảnh hôm nay, trong thành tựu của công cuộc Đổi mới, quả không phải là khó thấy, trong đó có các vấn đề về văn nghệ phục vụ chính trị; về đặc trưng và chức năng của văn học- nghệ thuật; về tính Đảng và chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa; về việc đánh giá văn học lãng mạn trước năm 1945, và việc nhìn nhận các trào lưu và khuynh hướng nghệ thuật trong thế giới hiện đại phương Tây; cùng với một số vấn đề cụ thể trong lý luận văn hóa, văn học, nghệ thuật.

Tư tưởng lý luận và hệ thống lý luận bao giờ cũng chịu sự chi phối của các hoàn cảnh lịch sử. Có *yêu cầu* của lịch sử và cũng có *quy định* (hoặc áp lực) của lịch sử. Có cái đúng và cần thiết cho một thời lại không còn thích hợp với các hoàn cảnh đã biến đổi. Sự ít hoặc chậm thay đổi trên một số vấn đề lý luận quan trọng của văn hóa, văn nghệ sau khi đất nước được hoàn toàn giải phóng - năm 1975, quả có gây nên những hạn chế hoặc tổn thương khó tránh đối với tiến trình phát triển chung; và đó chính là trách nhiệm lịch sử được trao cho công cuộc Đổi mới, với không ít các vấn đề đã được nhận thức lại để sửa đổi, cùng một số vụ, việc cũ đã dần dần được giải tỏa, sau ngày đồng chí Trường Chinh qua đời.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng... Về Văn hóa-văn nghệ. H.: Văn hóa, 1976.
2. Trường Chinh. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam, tập I và tập II. H.: 1976.3. Trường Chinh. Về văn hóa - nghệ thuật, tập I và tập II. H.: 1967.
4. Sóng Hồng. Thơ. H.: Văn học, 1967.